TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST Ngày: 27/04/2022 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Mão

2. Bà Hoàng Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; Nơi ĐKHKTT: số 116, đường H, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: tổ 9, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình

- **Bị đơn:** Anh Lã Quang H1, sinh năm 1986; Nơi cư trú: số 116, đường H, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa: chị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lã Quang H1 tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn; đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2017 tại UBND phường P, thành phố N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng gia đình chồng tại phố P, phường P, thành phố N. Anh chị sống hòa thuận được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ

tháng 10 năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H1.

* Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Huy có 01 con chung là cháu Lã Đức V sinh ngày 30/11/2016. Hiện nay cháu V đang ở cùng anh H1. Chị H xác định điều kiện nơi ở và thu nhập của anh H1 tốt hơn nên đề nghị giao cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, chị có trách nhiệm đóng góp cho anh H1 nuôi dưỡng cháu V là 2.500.000 đồng/ tháng đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại bản tự khai ngày 06/12/2021 bị đơn anh Lã Quang H1 trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: tôi và chị H tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 15/02/2017 tại UBND phường P, thành phố N; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 05 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H có quan hệ bồ bịch với người đàn ông khác, đi qua đêm nhiều lần không về. Tôi đã tha thứ bỏ qua nhưng được một thời gian vẫn chứng nào tật ấy, không quan tâm đến con cái và gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2021, đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh H1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nuôi con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Lã Đức V sinh ngày 30/11/2016. Hiện nay cháu V đang ở với anh, anh xác định bản thân có nơi ở ổn định, công việc đảm bảo để nuôi dạy cháu V. Anh đề nghị trực tiếp nuôi con chung; về cấp dưỡng nuôi con chung anh đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con như chị H đề xuất.

Về tài sản chung và công nợ: anh và chị H không có tài sản và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng anh H1 không đến và không có ý kiến gì khác.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm*:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật;

- Nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn: không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS (không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không ký biên bản).

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015;

điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lã Quang H1

2. Giao cháu Lã Đức V, sinh ngày 30/11/2016 cho anh Lã Quang H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu V đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ tháng.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N (Biên lai số AA/2021/0000718 ngày 26/11/2021).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền quyền giải quyết vụ án: vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn anh Lã Quang H1 cư trú tại phố P, phường P, thành phố N; do đó, Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lã Quang H1 là bị đơn mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2].Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lã Quang H1 có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình số 07/2017 ngày 15/02/2017, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Anh H1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ bồ bịch với người đàn ông khác, đi qua đêm nhiều lần không về, không quan tâm đến con cái và gia đình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ngoài lời khai của anh H1 ra không có tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện việc chị H ngoại tình, do đó việc anh H1 cho răng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H ngoại tình là không có căn cứ. Mặt khác tại bản tự khai của các đương sự đều xác định, vợ chồng dã sông ly thân nhau từ tháng 10/2021, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã trầm trọng và đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện quá trình vợ chồng chị H, anh H1 chung sống có xảy ra mâu

thuẫn, cãi cọ, xô sát. Chị H đã chuyển ra ở riêng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Như vậy, có thể khẳng định: tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh H1 và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Lã Đức V sinh ngày 30/11/2016, hiện nay, cháu V đang ở với anh H1. Quan điểm của chị H khi ly hôn chị đề nghị giao cháu V cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H1 cũng có ý kiến được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu V. Do các đương sự không có tranh chấp về con chung, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu việc giao cháu V cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ phù hợp với quan điểm của các bên đương sự, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/ tháng đến khi cháu V đủ 18 tuổi, anh H đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị H; xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị H, anh H1 đều trình bày không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3].Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân và gia đình; án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lã Quang H1 (Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: giao cháu Lã Đức V sinh ngày 30/11/2016 cho anh Lã Quang H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H1 là 2.500.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 05/2022 đến khi cháu Lã Đức V đủ 18 tuổi.

Anh H1 trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Hà trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Huy có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng; tổng cộng chị H phải nộp là 600.000^{đ} (Sáu trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000718 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: chị H, anh H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình